UBND Xã: Hợp Tiến **Biểu số 115/CK TC - NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**12023957**	**5443075**	**6580882**	**10153775**	**4503890**	**5649885**	**84.45**	**82.75**	**85.85**
	Trong đó:									
	Tiết kiệm chi	176800		176800						
	Tiết kiệm chi 2023	65400		65400						
	Tiết kiệm chi 10% dự toán đầu năm 2022	65400		65400						
	Tiết kiệm chi 10% dự toán đầu năm 2021	23000		23000						
	Tiết kiệm chi 10% dự toán đầu năm 2020	23000		23000						
	Tăng thu	589066		589066						
	70% kết dư ngân sách năm 2020 để CCTL	8512		8512						
	Tăng thu CCTL 2023	30760		30760						
	Tăng thu năm 2022 để CCTL	169168		169168						
	Tăng thu năm 2021 để CCTL	215577		215577						
	Tăng thu năm 2020 để CCTL	165050		165050						
	Tăng thu năm 2018.2019 để CCTL									
1	Chi giáo dục	85440	75000	10440	252277	241837	10440	295.27	322.45	100
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	16960		16960	16960		16960	100		100
4	Chi văn hóa, thông tin	27500		27500	27500		27500	100		100
5	Chi phát thanh, truyền thanh	53458		53458	53458		53458	100		100
6	Chi thể dục, thể thao	27500		27500	27500		27500	100		100
7	Chi bảo vệ môi trường	531396	62035	469361	376685	62035	314650	70.89	100	67.04
8	Chi các hoạt động kinh tế	4147800	4106040	41760	3556975	3515215	41760	85.76	85.61	100
	Chi hội da cam	16844		16844	16844		16844	100		100
	Chi hội TNXP	16844		16844	16844		16844	100		100
	Chi hội khuyến học	9708		9708	9708		9708	100		100
	Chi hội chữ thập đỏ	14001		14001	14001		14001	100		100
	Chi hội người cao tuổi	19991		19991	19991		19991	100		100

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6014815	1200000	4814815	4902909	684803	4218106	81.51	57.07	87.61
10	Chi cho công tác xã hội	353222		353222	353222		353222	100		100
11	Chi khác				586289		586289			
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									